TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - NINH BÌNH** Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST Ngày 4 tháng 8 năm 2026 V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con ".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Tuấn;

2. Ông Phạm Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: bà Vũ Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2026; quyết định hoãn phiên toà số:13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Mai Thị H, sinh năm 2001. Nơi cư trú: thôn Th Th, xã Ng S, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

2. Bị đơn: anh Phạm Văn L, sinh năm 1994. Nơi cư trú: thôn Y H 1, xã Y M, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Văn L được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, được đăng ký tại ủy ban nhân dân thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào năm 2019. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên có các cuộc cãi vã. Anh L thể hiện là người lười lao động, đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng tháng 11/2025 chị đã làm đơn xin ly hôn anh L, sau khi thụ lý, được Tòa án hòa giải chị đã rút đơn để vợ chồng

trở về đoàn tụ, sau khi trở về tình cảm vợ chồng không những không cải thiện, mà mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng hơn, do đó chị đã về bố mẹ đẻ của mình sống từ tháng 2/2026, vợ chồng ly thân nhau từ đó, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh L có 01 con chung cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019. Sau khi vợ chồng sống ly thân cháu Đ sống cùng với anh L, để tránh sự sáo trộn về tâm lý và ảnh hưởng đến việc học tập của cháu. Ly hôn chị đề nghị để anh L chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung và công nợ: chị và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Anh L có mặt tại địa phương nhưng không hợp tác làm việc, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2026 thể hiện anh L và chị H kết hôn vào năm 2018, anh L xác định vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2026, chị H đi đâu anh không biết, nay chị H làm đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn với chị H. Về con trong thời kỳ hôn nhân anh và chị H có 01 con chung cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019, hiện nay cháu Đức đang ở với anh, nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh xin nuôi cháu Đ, việc góp phí tổn nuôi con tùy chị H quyết định. Về tài sản anh và chị H không có tài sản chung nên không đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ Luật Dân Sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị H, xử cho chị Mai Thị H được Ly hôn với anh Phạm Văn L;

1.1 Về con chung: giao cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019 cho anh Phạm Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

1.2 Về cấp dưỡng nuôi con: chị Mai Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi .

2. Về án phí: chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và

300.000đồng án phí cấp dưỡng. Tổng hai khoản 600.000đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001294 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị H còn phải nộp 300.000đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Yên Hạ 1, xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh L. Toà án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị H, anh L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô vào năm 2019. Là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh L đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn xin ly hôn anh L. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn là chính đáng cần được pháp luật bảo vệ, được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án: chị H, anh L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô vào năm 2019, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên có các cuộc cãi vã, đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng tháng 11/2025 chị H đã làm đơn xin ly hôn. Tòa án hòa giải, gia đình khuyên nhủ vợ chồng lại trở về đoàn tụ, nhưng thời gian hạnh phúc cũng không được lâu. Đến tháng 3/2026 vợ chồng ly thân, chị H bỏ về quê Thanh Hóa để sinh sống. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nay chị H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị H được ly hôn với anh L căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh L có 1 con chung: cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019 hiện nay cháu đang ở cùng với anh L, ly hôn chị H đề nghị để anh L chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của chị H là chính đáng việc giao con cho ai nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu, hơn nữa từ khi ly thân cháu Đ đang ở cùng với anh L. Vì vậy giao cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019 cho anh Phạm Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăn sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con cùng anh L mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi .

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị H, anh L không có tài sản chung và nợ chung, do đó chị H không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị Mai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân Sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị Mai Thị H ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về con chung:

2.1. Giao cho anh Phạm Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Mai Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 17/01/2019 mỗi tháng 2.000.000đồng, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi .

Kể từ ngày anh Phạm Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì chị Mai Thị H còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"

3. Về án phí: chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng 2 khoản là 600.000đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001294 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị H còn phải nộp 300.000đồng án phí.

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 và Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND tỉnh Nình Bình;*
- *VKSND khu vực 2 – Ninh Bình;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;*
- *UBND xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình;*
- *Lưu hồ sơ , vp.*

Đã ký

Phan Ngọc Hà